

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Các Tổ chức tín dụng (TCTD) số 47/2010/QH12 do Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD số 17/2017/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019; và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 50/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận một số nội dung thay đổi của Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính v/v hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank);
- Căn cứ Phương án cơ cấu lại hoạt động giai đoạn 2021-2025 đã được NHNN chấp thuận;
- Căn cứ kế hoạch kinh doanh năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung liên quan đến Phương án tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024, cụ thể như sau:

I. Sự cần thiết phải tăng Vốn điều lệ:

Việc tăng Vốn điều lệ năm 2024 của Vietbank là cần thiết và có ý nghĩa quan trọng, nhằm nâng cao năng lực tài chính, năng lực hoạt động và khả năng cạnh tranh của Ngân hàng để thực hiện các mục tiêu chiến lược của Vietbank giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể:

- Đảm bảo phù hợp với Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 689/QĐ-TTg và các chỉ đạo có liên quan của NHNN cũng như Phương án cơ cấu lại của VietBank;
- Đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng;
- Nâng cao năng lực hoạt động bằng việc đầu tư, phát triển hệ thống công nghệ thông tin theo định hướng ngân hàng số hiện đại, và hệ thống thẻ ngân hàng, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh, công tác quản trị Ngân hàng và cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng mới;
- Nâng cao khả năng mở rộng, phát triển mạng lưới hoạt động của Ngân hàng;

- Bổ sung nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh khác sinh lời cho Ngân hàng.

II. Kế hoạch tăng vốn điều lệ:

1. Mức tăng vốn điều lệ:

- Vốn Điều lệ tại thời điểm 31/12/2023: **4.776.826.690.000 đồng** (Bốn ngàn bảy trăm bảy mươi sáu tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi ngàn đồng chẵn) tương ứng với 477.682.669 cổ phần, trong đó:
 - ✓ Cổ phần phổ thông: 477.682.669 cổ phần;
 - ✓ Cổ phần ưu đãi: 0
 - ✓ Cổ phiếu quỹ: 0.
- Tổng mức tăng vốn điều lệ dự kiến tăng: **2.362.589.190.000 đồng** (Hai ngàn ba trăm sáu mươi hai tỷ năm trăm tám mươi chín triệu một trăm chín mươi ngàn đồng chẵn), trong đó:
 - + Tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 và Ngân hàng Nhà nước chấp thuận theo Văn bản số số 5872/NHNN – TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy xác nhận kết quả chào bán theo Văn bản số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn)
 - + Vốn điều lệ dự kiến tăng thêm từ việc triển khai Phương án tăng vốn điều lệ mới năm 2024: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn), tăng 25% so với vốn điều lệ sau khi dự kiến tăng thêm;
 - Vốn Điều lệ mới dự kiến sau khi hoàn tất việc tăng vốn: **7.139.415.880.000 đồng** (Bảy ngàn một trăm ba mươi chín tỷ bốn trăm mười lăm triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);

2. Phương án tăng vốn điều lệ:

- 2.1 Tiếp tục triển khai Phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận theo Văn bản số số 5872/NHNN – TTGSNH ngày 25/7/2023; Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023, gia hạn Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thêm 30 ngày theo Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024):
 - Tổng số tiền tăng vốn: **934.706.010.000 đồng** (Chín trăm ba mươi bốn tỷ bảy trăm lẻ sáu triệu không trăm mười ngàn đồng chẵn).
 - Đến thời điểm hiện tại, Phương án tăng vốn thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước xác nhận kết quả chào bán theo Văn bản số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024 với số cổ phần chào bán thành công là **93.470.601 cổ phần** tương ứng mức vốn điều lệ tăng là: **934.706.010.000 đồng**.
 - Hiện tại, Vietbank đang thực hiện các thủ tục đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận sửa đổi Giấy phép hoạt động của Vietbank nội dung về Vốn Điều lệ.
 - Thời gian dự kiến hoàn thành: quý 2, 3 năm 2024.

2.2 Phương án Tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

Tăng vốn điều lệ thêm **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn) thông qua việc phát hành **142.788.318 CP** (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm tám mươi tám ngàn ba trăm mười tám cổ phần phổ thông để trả cổ tức (tương đương với tỷ lệ 25% tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành – bao gồm cả cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu tại mục 2.1).

- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông của Vietbank tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức bằng cổ phiếu phổ thông theo quy định của pháp luật từng thời kỳ;
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: **142.788.318 CP** (Một trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm chín mươi chín ngàn không trăm lẻ bảy cổ phần), mệnh giá **10.000 đồng/ CP**;
- Tổng mệnh giá phát hành: **1.427.883.180.000 đồng** (Một ngàn bốn trăm hai mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu một trăm tám mươi ngàn đồng chẵn);
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đến 31/12/2023: 166.465.878.960 đồng;
- Quỹ dự phòng tài chính đến 31/12/2023: 329.334.126.442 đồng;
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023: 1.623.031.784.364 đồng
- Nguồn thực hiện: từ lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2023, phù hợp quy định, trong đó:
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế riêng của Vietbank năm 2023: 646.866.026.767 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023: 1.623.031.784.364 đồng
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế hợp nhất của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng;
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng của Vietbank đến năm 2023: 1.623.031.784.364 đồng
 - ✓ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế riêng của Vietbank đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ: 1.593.031.784.364 đồng;
- Danh sách cổ đông và tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Danh sách cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm hiện tại và dự kiến sau khi tăng vốn – đính kèm.
- Tổng mức sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài hiện tại là 0,00% và dự kiến sau khi tăng vốn là 0,00%
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng: Không bị hạn chế chuyển nhượng;
- Thời điểm thực hiện: Dự kiến từ Quý 4 năm 2024 đến Quý 1 năm 2025. Thời gian thực hiện cụ thể giao cho HĐQT quyết định trên cơ sở phù hợp với Giấy phép/Chấp thuận của Cơ quan quản lý Nhà Nước có thẩm quyền và phù hợp với điều kiện thị trường.
- Phương án xử lý cổ phần, cổ phiếu lẻ:
 - ✓ Số lượng cổ phần, cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ được làm tròn xuống (thành 0 cổ phiếu);



- ✓ Số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có) giao cho HĐQT quyết định;
- Kế hoạch sử dụng vốn thu được:

Toàn bộ phần vốn tăng **1.427.883.180.000 đồng** từ phát hành cổ phiếu năm 2024 được dự kiến sử dụng toàn bộ cho việc đầu tư tài sản, bổ sung nguồn vốn để phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, bảo đảm tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động, sinh lợi cho hoạt động kinh doanh Vietbank, đảm bảo phù hợp quy định của NHNN về tỷ lệ đầu tư tài sản cố định đối với tổ chức tín dụng.

III. Hiệu quả kinh doanh trên cơ sở mức vốn điều lệ mới:

Đối với kế hoạch tăng vốn điều lệ và sử dụng vốn điều lệ tăng thêm như trên, Vietbank dự kiến một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh chính năm 2024 như sau:

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2023 | DVT: Tỷ đồng KH 2024 | |
|-----|---|----------------------------|------------------------------------|---------------|
| | | | Chỉ tiêu | % tăng trưởng |
| 1 | Vốn điều lệ | 4,777 | 7,139 | 49,45% |
| 2 | Dư nợ tín dụng (a + b) | 80,754 | 95,000 | 18% |
| a | Dư nợ cho vay khách hàng | 80,754 | | |
| b | Số dư mua, đầu tư TP doanh nghiệp | - | | |
| 3 | Huy động từ khách hàng (bao gồm GTCG) | 101,552 | 116,000 | 14% |
| 4 | Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác | 26,548 | 22,786 | -14% |
| 5 | Tiền gửi của và vay các TCTD khác | 26,622 | 21,565 | -19% |
| 6 | Tổng Tài sản | 138,262 | 150,000 | 8% |
| 7 | Lợi nhuận trước thuế (LNTT) | 812 | 1,050 | 29% |
| 8 | Tỷ lệ nợ xấu (NPL) | 1.8% | ≤ 2.5% | |
| 9 | Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) theo TT41 | 10.39% | 11% | 5.87% |
| 10 | Các tỷ lệ đảm bảo an toàn khác | Tuân thủ quy định của NHNN | Đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN | |
| 11 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) | 9.83% | 10.70% | 9% |
| 12 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản Có bình quân (ROA) | 0.52% | 0.60% | 16% |

IV. Kiến nghị:

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua:

- Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ:

Giao Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề liên quan, làm việc với NHNN và các cơ quan hữu quan khác để thực hiện tiếp các công việc tiếp theo nhằm hoàn tất các thủ tục triển khai tăng vốn theo đúng quy định

- Đối với Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức:

2.1 Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu để tăng Vốn điều lệ Vietbank năm 2024 từ 5.711.532.700.000 lên 7.139.415.880.000 đồng nêu trên (sau đây gọi tắt là "Phương án").


2.2 Chấp thuận mức vốn điều lệ mới trên cơ sở kết quả triển khai thành công của Phương án;

2.3 Giao và ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm nhưng không giới hạn:

- (i) Các vấn đề, thủ tục pháp lý cần thiết, kể cả việc sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án khi trình để được Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền xem xét và chấp thuận, dựa trên các nguyên tắc phù hợp với điều kiện thực tế hoạt động của Vietbank; tuân thủ đúng quy định của pháp luật; và đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- (ii) Thời điểm phát hành kể cả thời điểm dừng đợt phát hành cổ phiếu phù hợp với thực tế và hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- (iii) Xử lý số cổ phiếu lẻ;
- (iv) Sửa đổi, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được, để đảm bảo tuân thủ theo quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế kinh doanh và đem lại hiệu quả cho Vietbank;
- (v) Sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký lưu ký, giao dịch đối với chứng khoán bổ sung theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;
- (vi) Thực hiện các thủ tục pháp lý về sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Điều lệ và các giấy tờ pháp lý khác có liên quan đến cập nhật mức vốn điều lệ mới của Vietbank.

2.4 Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền; Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công các đơn vị thuộc Vietbank thực hiện các công việc cần thiết theo quy định của pháp luật; Hoàn chỉnh, hoàn thiện và ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với các Cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền và các Bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao, phù hợp với quy định pháp luật;

Kính báo cáo và trình Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Trân trọng,


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

DƯƠNG NHẤT NGUYÊN


Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Vốn điều lệ: 5.711.532.700.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu: 571.153.270 đồng.

Vốn điều lệ dự kiến sau tăng vốn: 7.139.415.880.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu dự kiến sau tăng vốn: 719.941.588 đồng.



**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN,
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM TRƯỚC KHI TĂNG VỐN**

| STT | Tên cổ đông | Tên là người có liên quan | Số, ngày cấp, nơi cấp | Số, ngày cấp, nơi cấp | Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông) | Số, ngày cấp, nơi cấp | Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan | Sở hữu cổ phần của cổ đông | |
|-----|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|----------------------------|-----------------------|
| | | | | | | | | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) so với tổng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| I | Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn | | | | | | | | |
| | Không có | | | | | | | | |
| II | Cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm trước khi tăng vốn | | | | | | | | |
| | Không có | | | | | | | | |

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA CỔ ĐÔNG CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT VÀ SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN,
DANH SÁCH CỔ ĐÔNG VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN TỪ 20% TRỞ LÊN SO VỚI VỐN ĐIỀU LỆ THỜI ĐIỂM DỰ KIẾN SAU KHI TĂNG VỐN**

| STT | Tên cổ đông | Tên là người có liên quan | Số, ngày cấp, nơi cấp | Số, ngày cấp, nơi cấp | Người đại diện theo pháp luật (trường hợp cổ đông) | Số, ngày cấp, nơi cấp | Mối quan hệ liên quan giữa cổ đông và người có liên quan | Sở hữu cổ phần của cổ đông | |
|-----|--|---------------------------|-----------------------|-----------------------|--|-----------------------|--|----------------------------|-----------------------|
| | | | | | | | | Số lượng cổ phần (đã) | Tỷ lệ (%) so với tổng |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| I | Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên so với vốn cổ phần có quyền biểu quyết và so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn | | | | | | | | |
| | Không có | | | | | | | | |
| II | Cổ đông và người có liên quan có tỷ lệ sở hữu cổ phần từ 20% trở lên so với vốn điều lệ thời điểm dự kiến sau khi tăng vốn | | | | | | | | |
| | Không có | | | | | | | | |